

Số: 05/2024/QĐST-DS

N, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Số 442 K, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng C (Giấy ủy quyền số 3278/UQ-CNTL.23 ngày 02 tháng 10 năm 2023).

- *Bị đơn*: Anh H, sinh năm 1991 và chị A, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh H và chị A phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ của hợp đồng cấp tín dụng số NGQ.CN.3098.030221 ngày 08 tháng 02 năm 2021, hợp đồng cấp tín dụng số NGQ.CN.500.080122 ngày 08 tháng 01 năm 2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 01 tháng 3 năm 2022 tính đến hết ngày 25 tháng 01 năm 2024 là 1.313.435.762 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 1.070.860.035 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 80.739.056 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 151.926.576 đồng, số tiền lãi chậm trả lãi là 9.910.095 đồng. Trong đó số tiền nợ của hợp đồng cấp tín dụng số NGQ.CN.3098.030221 ngày 08 tháng 02 năm 2021 là 919.936.111 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 750.692.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 61.915.537 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 99.773.396 đồng, số tiền lãi chậm trả lãi là 7.555.178 đồng; số tiền nợ của hợp đồng cấp tín dụng số NGQ.CN.500.080122 ngày 08 tháng 01

năm 2022 là 326.213.136 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 270.102.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 18.823.519 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 34.932.700 đồng, số tiền lãi chậm trả lãi là 2.354.917 đồng; số tiền nợ của giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 01 tháng 3 năm 2022 là 67.286.515 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 50.066.035 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 17.220.480 đồng.

Kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong anh H và chị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Phương án trả nợ cụ thể như sau: Kể từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 5 năm 2024 mỗi tháng anh H và chị A phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 29 hàng tháng. Chậm nhất đến ngày 29 tháng 6 năm 2024 anh H và chị A phải trả hết số tiền nợ còn lại (bao gồm số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi trong hạn, số tiền nợ lãi quá hạn và số tiền lãi chậm trả lãi) của hợp đồng cấp tín dụng số NGQ.CN.3098.030221 ngày 08 tháng 02 năm 2021, hợp đồng cấp tín dụng số NGQ.CN.500.080122 ngày 08 tháng 01 năm 2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 01 tháng 3 năm 2022 cho Ngân hàng C.

Trường hợp anh H và chị A vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào (bao gồm vi phạm thời hạn hoặc số tiền thanh toán) theo phương án trả nợ nêu trên thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 147,8m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 287B tờ bản đồ số 24 tại thôn 1, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 789573 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông H và vợ là bà A theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NGQ.BĐCN.384.030221 ngày 08 tháng 2 năm 2021 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền có được từ việc phát mại tài sản thế chấp sau khi thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C thì số tiền còn thừa phải được trả lại cho anh H và chị A. Trường hợp số tiền có được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C thì anh H và chị A phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng C.

- Về án phí: Anh H và chị A nhận nộp cả 25.701.536 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí 23.300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008712 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền

